

Bản án số: 1255/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03-9-2020

V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Thái.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Khanh;
2. Bà Võ Phương Trang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Thanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1802/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà La Thị H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số 28/106, đường số X, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (có yêu cầu vắng mặt)

**2. Bị đơn:** Ông Phạm Hồng P, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số 28/106, đường số X, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 27/11/2019 và bản tự khai ngày 13/01/2020 và Biên bản hòa giải ngày 28/4/2020 của Tòa án, nguyên đơn bà La Thị H trình bày: Bà và ông P kết hôn năm 2013, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 206 ngày 24/10/2013; thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống mà nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hòa hợp, không tin tưởng lẫn nhau,

bản thân ông P thay đổi tình cảm có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, nhạt nhẽo về đánh đập bà; bà H đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng sau đó rút đơn để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được; bà và ông P đã ly thân từ tháng 9 năm 2019; tình cảm không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà H khai quá trình chung sống, bà và ông P có 02 (hai) con chung tên: Phạm Kỳ N, sinh ngày: 11/4/2013 và Phạm Kỳ D, sinh ngày: 26/8/2015; khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu N và cháu D, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có.

Tại bản tự khai ngày 28/4/2020 và Biên bản hòa giải ngày 28/4/2020 của Tòa án, ông Phạm Hồng P trình bày: Thống nhất với trình bày của bà H về nguyên nhân và điều kiện kết hôn của vợ chồng; thừa nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, xung đột không thể khắc phục được mà nguyên nhân là do bà H không dành thời gian chăm sóc con; ông P đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông P khai thống nhất với bà H, quá trình chung sống, ông và bà H có 02 (hai) con chung tên: Phạm Kỳ N, sinh ngày: 11/4/2013 và Phạm Kỳ D, sinh ngày: 26/8/2015; khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi cháu N và cháu D, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, bởi lẽ, ông có đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho con chung, trong khi bà H tài chính không ổn định cũng như trình độ học vấn và ứng xử hạn chế sẽ làm ảnh hưởng đến tương lai của các con sau này.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông P khai không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu quan điểm: Tòa án vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án riêng các phần khác Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về tố tụng:*

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà La Thị H có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Phạm Hồng P. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà La Thị H có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phạm Hồng P đã được Tòa án triệu tập họp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông P.

*[2] Về nội dung:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà La Thị H và ông Phạm Hồng P kết hôn, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 206 ngày 24/10/2013 nên có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông P là hợp pháp;

Quá trình chung sống, bà H và ông P cùng có lời khai thống nhất quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đời sống vợ chồng không hòa hợp, bà H cho rằng ông P thay đổi tình cảm và có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, nhậu nhẹt về đánh đập bà; bà H đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng sau đó rút đơn để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được; bà và ông P đã ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay.

Xét, mâu thuẫn vợ chồng của bà H và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân ông P cũng có nguyện vọng được ly hôn do đó cần chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông P, điều này phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà H khai quá trình chung sống, bà và ông P có 02 con chung, tên: Phạm Kỳ N, sinh ngày: 11/4/2013 và Phạm Kỳ D, sinh ngày: 26/8/2015;

Xét, quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông P đều có yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng để nuôi con; để có cơ sở xem xét, Tòa án đã yêu cầu bà H và ông P cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh thu nhập của mỗi bên đảm bảo việc nuôi con, thực hiện yêu cầu này bà H đã cung cấp cho Tòa án Đơn xin xác nhận lương của công ty Nam Trung Phát và xác nhận thu nhập từ công việc giúp việc nhà thể hiện mức thu nhập trung bình của bà H mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng; riêng ông P đã nhận được yêu cầu nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập cho Tòa án nên không có cơ sở xem xét; mặt khác kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường B, quận Bình Tân thể hiện cháu N và cháu D hiện đang ở cùng với bà H, do đó cần chấp nhận cho bà H được tiếp tục nuôi dạy con chung nhằm duy trì ổn định, tránh làm xáo trộn đời sống của con chung, phù hợp với nguyện vọng của cháu N.

Về cấp dưỡng: Do bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng để nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông P khai thống nhất không có.

*[3] Về án phí:*

- Bà La Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà La Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà La Thị H được ly hôn với ông Phạm Hồng P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 206 ngày 24/10/2013 do Ủy ban nhân dân Phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị.

Về con chung: Bà H được nuôi con chung là Phạm Kỳ N, sinh ngày 11/4/2013 và Phạm Kỳ D, sinh ngày 26/8/2015;

Về cấp dưỡng: Do bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng để nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có.

2. Về án phí: Bà La Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0064464 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Thái**